

Bản án số: 86/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Ninh

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên

Tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 7A1, xã V, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: anh Lê Hoài T, sinh năm: 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Chị và anh T tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2013, đến năm 2015 tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh H chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân, chị và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, vợ chồng hay cự cãi, anh ghen tuông vô cớ, thường hay đánh đập chị, tiền bạc chi tiêu trong gia đình anh hoàn toàn không biết đến. Từ đó, làm cho cuộc sống vợ

chồng ngày càng trở nên ngọt ngào nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với anh T từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay giữa chị và anh T không thể nào hàn gắn được nữa nên chị L yêu cầu được ly hôn anh T. Quá trình chung sống chị và anh T có một con chung tên Lê Thành L, sinh ngày 07/5/2015. Hiện nay con đang sống với chị L, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/8/2020, bị đơn anh Lê Hoài T trình bày: Anh thừa nhận hôn nhân giữa anh và chị L là tự nguyện, tự tìm hiểu quen biết trước, có đăng ký kết hôn. Đối với mâu thuẫn vợ chồng phát sinh như chị L trình bày, anh T không ý kiến gì nhưng chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Về con anh xác định anh và chị L có một con chung tên Lê Thành L, sinh ngày 07/5/2015. Anh đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng yêu cầu được quyền thăm con. Về tài sản và nợ chung, anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị L và anh T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn và được chứng nhận kết hôn. Chị L cho rằng giữa chị và anh T bất đồng quan điểm sống thường xảy ra cự cãi, anh T không có trách nhiệm với vợ con, dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng trở nên trầm trọng mà không thể nào hàn gắn, chị L và anh T cũng đã ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài, kể từ thời điểm ly thân nhau, giữa chị L và anh T cũng không có thiện chí hàn gắn nên chị L yêu cầu ly hôn anh T và anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn với anh T. Về con chung, chị L và anh T cùng xác định anh chị có một con chung tên Lê Thành L, sinh ngày 07/5/2015. chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T cũng đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Lê Thành L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung, do chị L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị L nộp án phí ly hôn 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Hoài T có địa chỉ cư trú tại xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Lê Hoài T với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh T và chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Lê Hoài T, anh chị tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh H chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị L xác định thì vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do chị và anh T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T sống thiếu trách nhiệm với vợ con hay đánh đập chị. Nên chị và anh T đã ly thân nhau kể từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Mặc dù nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chỉ được chị L xác định và anh T cũng không có ý kiến gì nhưng anh T có ý kiến đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung, chị L và anh T cùng xác định có một con chung tên Lê Thành L, sinh ngày 07/5/2015. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, anh T có ý kiến đồng ý giao con cho chị L nuôi nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Lê Thành Luân, sinh ngày 07/5/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003136 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật

Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn anh Lê Hoài T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Thành L, sinh ngày 07/5/2015 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Hoài T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003136 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa